



méi mén

没门

interjection (colloquial) · no way; not a chance

Example Sentences

nǐ xiǎng jiè qián méi mén
你 想 借 钱 ？ 没 门 ！

You want to borrow money? No way!

tā qiú wǒ bāng máng wǒ shuō méi mén
他 求 我 帮 忙 ， 我 说 没 门 。

He asked me for help, and I said no way.

Trace each character, then write the word on your own.

没	没	没	没	没	没	没	没	没	没		
门	门	门	门	门	门						